TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 3 - 2026
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lem

Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Duyên Em - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 186/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 41/2026/ QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số A đường N, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Anh Trần Tấn T1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số B, ấp H, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa, chị T và anh T1 đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh T1 qua tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19/11/2022, tại Ủy ban nhân dân phường I, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay phường V, Thành phố Hồ Chí Minh). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, chị và anh T1 đã ly thân từ tháng 2 năm 2025 cho đến nay, hiện tại mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, chị T có đơn khởi kiện và có yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là Trần Nguyễn Đức H, sinh ngày 21/09/2023. Hiện con chung đang sống chung với chị T, khi ly hôn chị có yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn là anh Trần Tấn T1 sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã có Thông báo hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị T thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Bị đơn anh T1 chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Về nội dung:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Tấn T1.

- Về con chung: Giao con chung của T1 và chị T là Trần Nguyễn Đức H, sinh ngày 21/09/2023 cho chị T tiếp tục, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Chị Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Trần Tấn T1. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị T xác định vụ án có quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh Trần Tấn T1 là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại số B, ấp H, xã L, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7-Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, anh Trần Tấn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại các khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 qua tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19/11/2022, tại Ủy ban nhân dân phường I, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay phường V, Thành phố Hồ Chí Minh) nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị T trình bày trong quá trình chung sống với nhau, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị và anh T1 đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2025 cho đến nay. Hiện tại mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, chị T kiện có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh T1 đã được Tòa án Thông báo các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải về hôn nhân giữa chị T và anh T1 được. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T thì anh T1 không có ý kiến phản đối, để cho T tự giải quyết.

Xét thấy, giữa chị T và anh T1 không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, hiện tại anh chị đã không còn chung sống với nhau nữa.

Từ đó, có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của chị T và anh T1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T để giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Chị T và anh T1 có một con chung là Trần Nguyễn Đức H, sinh ngày 21/09/2023. Hiện con chung đang sống chung với chị T, khi ly hôn chị

có yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Anh T1 không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Do vậy, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, nên cần giao con chung của anh T1 và chị T là Trần Nguyễn Đức H, sinh ngày 21/09/2023 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về việc cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, chị T không yêu cầu anh T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Chị T trình bày chị và anh T1 không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Đối với anh T1 thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và ý kiến đề nghị về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí chị T đã nộp là 300.000 đồng. Chị T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Tấn T1.

2. Về con chung: Giao con chung của chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Tấn T1 là Trần Nguyễn Đức H, sinh ngày 21/09/2023 cho chị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của các con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009865, ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án nhân dân tỉnh V). Chị T đã nộp đủ án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Vĩnh Long;
- UBND phường Vườn Lài, TP. HCM;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Huệ

.